



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 28

Ngày 09 tháng 4 năm 2020

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

01-4-2020	Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND quy định mức, điều kiện hỗ trợ lãi suất vay vốn ban đầu và triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	02
-----------	---	----

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

31-3-2020	Quyết định số 863/QĐ-UBND ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2024.	08
03-4-2020	Quyết định số 872/QĐ-UBND quy định Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế.	13
03-4-2020	Quyết định số 880/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo Thừa Thiên Huế.	17
27-3-2020	Chỉ thị số 08/CT-UBND về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.	19

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2020/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH**Quy định định mức, điều kiện hỗ trợ lãi suất vay vốn ban đầu
và triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp
thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2016;**Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;**Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;**Căn cứ Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ
đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định định mức, điều kiện hỗ trợ lãi suất vay vốn ban đầu và triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp mới thành lập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019 (trừ doanh nghiệp có vốn nước ngoài);

b) Các cơ quan quản lý nhà nước;

c) Cục Thuế tỉnh, các Chi cục Thuế khu vực, Chi cục Thuế huyện A Lưới, Chi cục Thuế thành phố Huế;

d) Cục Hải quan tỉnh, các Chi cục Hải quan;

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế, các Chi nhánh ngân hàng hoạt động trên địa bàn tỉnh;

e) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Định mức, điều kiện hỗ trợ lãi suất vay vốn ban đầu

1. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ

Thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

Đảm bảo cả 02 điều kiện:

a) Thực hiện theo điểm a khoản 3 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh;

b) Có phương án, dự án sản xuất thuộc một trong các ngành nghề, sản phẩm sau:

(i) Sản phẩm đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo do UBND tỉnh tổ chức hàng năm.

(ii) Lĩnh vực công nghệ thông tin: Gồm các ngành nghề, sản phẩm:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học máy tính và thông tin (mã ngành 7211 tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ);

- Đào tạo nhân lực cho ngành công nghệ thông tin (mã ngành 8531, 8559 tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ);

- Thu thập, tạo lập và xử lý dữ liệu số, thông tin số (mã ngành 6311 tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ);

- Nghiên cứu sản xuất thiết bị công nghệ số (mã ngành 2610, 2620, 2630, 2640 tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ);

- Phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin (mã ngành 5820, 6201, 6202 tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

(iii) Lĩnh vực dịch vụ du lịch gắn với bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống: Gồm các ngành nghề, sản phẩm du lịch, tua du lịch (mã ngành 7911, 7912 tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ) liên quan đến:

- Du lịch di sản, văn hóa Huế;

- Du lịch làng nghề truyền thống;

- Du lịch ẩm thực;

- Du lịch lễ hội;

- Du lịch tâm linh.

(iv) Sản phẩm nông nghiệp an toàn, gồm:

- Được sản xuất tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu; Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu;

- Được sản xuất tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý;

- Thuộc dự án sản xuất sản phẩm nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận VietGAP theo Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và Thông tư số 06/2018/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012;

- Thuộc dự án đầu tư mới vào sản xuất nông nghiệp sạch áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cấp quốc gia hoặc quốc tế tương đương (VietGAP, GlobalGAP, ASC, IMC...).

(v) Sản phẩm thân thiện môi trường, gồm:

- Sản phẩm được tạo ra từ các vật liệu thân thiện với môi trường;

- Sản phẩm đem đến những giải pháp an toàn đến môi trường và sức khỏe thay cho các sản phẩm độc hại truyền thống như túi ni lông, chai nhựa sử dụng một lần;

- Sản phẩm giảm tác động đến môi trường trong quá trình sử dụng (ít chất thải, sử dụng năng lượng tái sinh, ít chi phí bảo trì).

(vi) Sản phẩm truyền thống, gồm:

- Sản phẩm mang bản sắc văn hóa Huế;

- Sản phẩm gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề;

- Sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

Điều 3. Một số chính sách hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ sử dụng chữ ký số công cộng

Thực hiện theo Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ chi phí hóa đơn điện tử

Thực hiện theo Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh.

3. Hỗ trợ chi phí thuê kế toán cho các doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển đổi từ hộ kinh doanh

Thực hiện theo Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến các cá nhân, hộ kinh doanh, tổ chức khi đến đăng ký thành lập mới doanh nghiệp.

b) Hướng dẫn các cá nhân, tổ chức, hộ kinh doanh triển khai thực hiện Quyết định này.

c) Hàng năm, lập dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định đối tượng, hồ sơ, chứng từ có liên quan.

đ) Quyết định chi trả kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan; thực hiện thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ, tổng hợp vào quyết toán ngân sách hàng năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra thực tế các nội dung hỗ trợ.

2. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định này, thực hiện quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ hàng năm theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc kiểm tra triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ cho doanh nghiệp.

3. Cục Thuế tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, hướng dẫn các hộ kinh doanh, doanh nghiệp trong công tác kê khai thuế và chấp hành tốt các chính sách, pháp luật về thuế.

b) Chủ trì hướng dẫn và triển khai thực hiện hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp về thuế môn bài, thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các địa phương trong phối hợp thực hiện chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ cho doanh nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với các Chi cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tuyên truyền, vận động các hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp. Rà soát, kiểm tra, yêu cầu các hộ kinh doanh có sử dụng thường xuyên hơn mười lao động phải chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức doanh nghiệp.

5. Các Chi nhánh ngân hàng hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

a) Xem xét cho vay hỗ trợ lãi suất đối với các doanh nghiệp có phương án, dự án sản xuất kinh doanh hiệu quả thuộc đối tượng hỗ trợ theo Quyết định này.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ hoàn thiện hồ sơ vay vốn.

6. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tư vấn thực thi chính sách, pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp.

b) Hàng năm phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân.

7. Trách nhiệm của hộ kinh doanh, doanh nghiệp

Thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng để các địa phương, đơn vị, cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp biết và thực hiện có hiệu quả.

9. Các cơ quan liên quan khác

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện đúng quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Cục trưởng: Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 863/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 19/TTr-STP ngày 10 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thiên Định

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2024**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 31/3/2020
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Triển khai thống nhất các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; phòng, chống các rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.

b) Đảm bảo tính chủ động, kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận, tìm hiểu các thông tin pháp luật có liên quan.

b) Đáp ứng kịp thời yêu cầu bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh dành cho người quản lý doanh nghiệp và kỹ năng, nghiệp vụ cho bộ phận pháp chế của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Giải quyết kịp thời các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Xác định trách nhiệm cụ thể của các sở, ban, ngành trong việc hỗ trợ pháp lý kịp thời cho doanh nghiệp khi có yêu cầu.

đ) Giúp doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhận thức và tuân thủ pháp luật để sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh có hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; không phân biệt hình thức sở hữu, hình thức tổ chức và lĩnh vực hoạt động.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Hoạt động cung cấp thông tin pháp luật, chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có)

a) Xây dựng, duy trì, rà soát và cập nhật cơ sở dữ liệu pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

- Nội dung thực hiện: Thực hiện rà soát và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp lên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các cơ quan khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

b) Biên soạn sách, tài liệu giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, hướng dẫn nghiệp vụ

- Nội dung thực hiện: Xây dựng và phát hành tập tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, hướng dẫn nghiệp vụ.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các cơ quan khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Xây dựng các tình huống pháp lý để doanh nghiệp nghiên cứu, tham khảo để áp dụng trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp

- Nội dung thực hiện: Đặt bài tình huống pháp lý với các chuyên gia pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Chủ thể phối hợp: Các chuyên gia pháp luật.

2. Cập nhật dữ liệu về Bản án, Quyết định của Tòa án nhân dân; Phán quyết của Trọng tài thương mại; Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; Quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp

- Nội dung thực hiện: Cập nhật và đăng tải các Bản án, Quyết định của Tòa án nhân dân; Phán quyết, Quyết định của Trọng tài thương mại; Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; Quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là một bên có liên quan lên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Cổng thông tin điện tử tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

3. Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, bao gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật

- Nội dung thực hiện: Căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, tổ chức hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

4. Hoạt động tư vấn pháp luật, bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguồn lực theo quy định của pháp luật

- Nội dung thực hiện: Giải đáp các vướng mắc về pháp luật mà doanh nghiệp có yêu cầu; đề nghị, kiến nghị,...

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Tòa án nhân dân tỉnh, Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các cơ quan khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm (nếu có).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí đảm bảo thực hiện Chương trình Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2024 được bố trí từ nguồn ngân sách của tỉnh trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Đồng thời, huy động sự đóng góp, tài trợ, hỗ trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

a) Là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chung về tổ chức thực hiện Chương trình này; theo dõi và giám sát việc triển khai Chương trình này.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Mục III của Chương trình này.

c) Hàng năm, lập dự toán ngân sách gửi Sở tài chính thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thực hiện tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình chủ trì hoặc phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung tại Chương trình này.

b) Hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí đảm bảo thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo nội dung trong Chương trình này.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Chương trình này.

b) Báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa liên quan đến lĩnh vực quản lý về Sở Tư pháp khi có yêu cầu của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để hướng dẫn, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thiên Định

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 872/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa
trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa
trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Quyết định này áp dụng đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học và các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (sau đây gọi là cơ sở giáo dục phổ thông), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc lựa chọn sách giáo khoa

1. Lựa chọn sách giáo khoa thuộc danh mục sách giáo khoa đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.
2. Mỗi môn học, hoạt động giáo dục ở mỗi khối lớp lựa chọn 01 (một) đầu sách giáo khoa.
3. Phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện tổ chức dạy học tại cơ sở giáo dục phổ thông.
4. Sách giáo khoa có thể sử dụng nhiều năm.
5. Bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

Chương II

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA

Điều 3. Phù hợp với việc học của học sinh

1. Sách giáo khoa được trình bày khoa học, rõ ràng, hấp dẫn, dễ hiểu, tạo hứng thú cho học sinh. Kênh chữ chọn lọc, kênh hình gần gũi, trực quan, có tính giáo dục và tính thẩm mỹ cao.
2. Nội dung mỗi bài học trong sách giáo khoa được thể hiện khoa học, chính xác, sinh động, thúc đẩy học sinh học tập tích cực, chủ động, kích thích học sinh tư duy sáng tạo, độc lập đồng thời có thể phát triển kỹ năng hợp tác của học sinh.
3. Nội dung các bài học/chủ đề trong sách giáo khoa có những hoạt động học tập thiết thực, giúp học sinh biết cách định hướng để đạt được mục tiêu học tập.

4. Các nhiệm vụ học tập trong mỗi bài học hướng đến việc hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực người học, hình thành và phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng tư duy, rèn khả năng tích hợp, vận dụng kiến thức mới cho học sinh.

Điều 4. Thuận tiện, hiệu quả đối với giáo viên

1. Cách thiết kế bài học/chủ đề trong sách giáo khoa giúp giáo viên dễ dạy, dễ lựa chọn phương án, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học tích cực.

2. Sách giáo khoa có các nội dung, chủ đề kiến thức phong phú, giúp giáo viên có thể thực hiện dạy học tích hợp, gắn kết nội dung bài học với thực tiễn.

3. Nội dung sách giáo khoa đảm bảo mục tiêu phân hóa, nhiều hình thức và phương pháp đánh giá, thuận lợi cho giáo viên trong việc lựa chọn công cụ đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của học sinh.

4. Cấu trúc sách giáo khoa thuận tiện cho tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá, phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường.

5. Sách giáo khoa phải có sách giáo viên (hoặc tài liệu hướng dẫn) đi kèm để hỗ trợ giáo viên trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học.

Điều 5. Phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương

1. Nội dung sách giáo khoa đảm bảo tính kế thừa, ngôn ngữ, nội dung và cách thức thể hiện phù hợp với văn hóa, lịch sử, địa lý của địa phương; có thể điều chỉnh để phù hợp với khả năng và phong cách học tập của nhiều nhóm đối tượng học sinh và có thể triển khai tốt với điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện dạy học khác của nhà trường.

2. Cấu trúc sách giáo khoa có tính mở, tạo điều kiện để địa phương, nhà trường chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục và tạo cơ hội để nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên bổ sung những nội dung và hoạt động đặc thù thích hợp, sát với thực tế địa phương.

3. Sách giáo khoa được in với chất liệu đảm bảo, có giá thành hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế của cộng đồng dân cư địa phương; có thể được sử dụng lại cho năm học sau để tránh lãng phí, tốn kém.

Điều 6. Các yếu tố đi kèm với sách giáo khoa đảm bảo chất lượng dạy-học

1. Phương pháp tập huấn, hỗ trợ đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý trong việc giới thiệu những điểm mới của sách giáo khoa đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018, cách sử dụng sách giáo khoa hiệu quả, đảm bảo chất lượng.

2. Nguồn tài nguyên, học liệu điện tử bổ sung cho sách giáo khoa đa dạng, phong phú, hữu ích.

3. Danh mục thiết bị dạy học kèm theo sách giáo khoa phù hợp, có chất lượng, dễ sử dụng, giá thành hợp lý.

4. Chất lượng sách giáo khoa tốt (giấy in, khổ sách, cỡ chữ, font chữ,.....).

5. Kênh phân phối, phát hành sách giáo khoa kịp thời, đáp ứng yêu cầu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.
2. Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh và cung cấp thông tin cho các nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn về danh mục, số lượng sách giáo khoa mỗi nhà xuất bản cần cung ứng, bao gồm số lượng dự phòng để đảm bảo có đầy đủ sách giáo khoa trước khi bắt đầu mỗi năm học mới.
3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm nguồn kinh phí theo phân cấp quản lý để các cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức lựa chọn sách giáo khoa.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý.
2. Bảo đảm nguồn kinh phí để các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa.

Điều 9. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý.
2. Tổng hợp và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông

1. Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông và quy định này của Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông), Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở) về kết quả lựa chọn sách giáo khoa.
2. Sử dụng sách giáo khoa đã được lựa chọn trong tổ chức dạy và học; hướng dẫn giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh sử dụng sách giáo khoa theo quy định của pháp luật.
3. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý giáo dục, học sinh, cha mẹ học sinh về quyết định lựa chọn sách giáo khoa của cơ sở giáo dục phổ thông./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 880/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Trung tâm Khởi nghiệp
Đổi mới sáng tạo Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo Thừa Thiên Huế trực thuộc Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh.

Trung tâm Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo Thừa Thiên Huế là đơn vị sự nghiệp công lập có thu trực thuộc Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh căn cứ các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương để quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo Thừa Thiên Huế sau khi thống nhất với Sở Nội vụ.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và miễn nhiệm các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ của Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế điểm b, khoản 2, Điều 4 của Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/CT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 3 năm 2020

CHỈ THỊ

Về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ đầu năm 2020 đến nay, các loại dịch bệnh động vật đã xảy ra ở nhiều tỉnh, thành phố và đang có chiều hướng diễn biến phức tạp, cụ thể: (i) cả nước đã có 34 ổ dịch Cúm gia cầm (CGC) do vi rút cúm A/H5N1 và A/H5N6 gây ra tại 10 tỉnh, thành phố, buộc phải tiêu hủy hơn 100.000 con gia cầm. Các chủng vi rút cúm này có khả năng lây nhiễm và gây tử vong ở người; (ii) có hơn 100 ổ dịch Lở mồm long móng (LMLM) xảy ra tại 09 tỉnh, làm hàng nghìn con gia súc mắc bệnh và hàng trăm con gia súc bị chết; (iii) bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) đã xảy ra rất nghiêm trọng vào năm 2019, gây thiệt hại hàng ngàn tỷ đồng và làm ảnh hưởng lớn chỉ số CPI. Thời gian qua, mặc dù bệnh DTLCP đã được kiểm soát và giảm mạnh nhưng nguy cơ tiếp tục xảy ra là rất cao vì chưa có thuốc điều trị, vắc xin phòng bệnh trong khi các biện pháp phòng bệnh còn hạn chế, nhất là tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ.

Nguyên nhân là do: (i) tổng đàn, mật độ chăn nuôi vật nuôi tăng mạnh trong thời gian qua, trong khi chăn nuôi nhỏ lẻ còn chiếm đa số (hiện cả nước có hơn 467 triệu con gia cầm; đàn gia súc ăn cỏ tăng 3-5% so với năm 2018, đàn lợn đang được tái đàn và tăng mạnh); (ii) công tác tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đạt tỷ lệ thấp ở nhiều địa phương; (iii) kết quả giám sát chủ động đã cảnh báo hiện nay có nhiều loại mầm bệnh đang lưu hành với tỷ lệ tương đối cao; (iv) tập quán giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ còn phổ biến, gây khó khăn cho công tác phòng, chống dịch bệnh; (v) thời tiết thay đổi bất lợi, tạo điều kiện cho các loại mầm bệnh phát triển gây bệnh và lây lan diện rộng; (vi) công tác chủ động giám sát, phát hiện sớm, báo cáo và xử lý các ổ dịch chưa được các địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả theo đúng quy định và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; (vii) công tác báo cáo dịch bệnh tại tuyến cơ sở không được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; khi cơ quan chuyên môn thú y cấp tỉnh và Trung ương nhận được thông tin thì dịch bệnh đã lây lan ra diện rộng, rất khó kiểm soát.

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 09/3/2020 về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; để khẩn trương kiểm soát tốt các loại dịch bệnh, đặc biệt là bệnh CGC, LMLM, DTLCP; kiên quyết

không để các loại dịch bệnh bùng phát, lây lan diện rộng, gây thiệt hại lớn về kinh tế, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, đặc biệt không để xảy ra tình trạng dịch chông dịch trong bối cảnh bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút Corona (Covid-19) trên người đang diễn ra hết sức phức tạp, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định của Luật thú y, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế:

a) Chỉ đạo các địa phương đang có dịch bệnh động vật (CGC, LMLM, DTLCP,...): Tập trung các nguồn lực và áp dụng đồng bộ các giải pháp để kiểm soát, xử lý dứt điểm các ổ dịch, không để lây lan, dây dưa kéo dài; trường hợp các ổ dịch có nguy cơ phát sinh, lây lan diện rộng, cần công bố dịch và tổ chức chống dịch bệnh theo quy định; khẩn trương tổ chức tiêm vắc xin bao vây ổ dịch và phòng bệnh cho toàn bộ đàn gia súc, gia cầm có nguy cơ; thành lập các Đoàn công tác đến các địa phương có dịch để chỉ đạo tổ chức chống dịch.

b) Chỉ đạo địa phương chưa có dịch, địa phương có nguy cơ cao:

- Tổ chức triển khai phòng, chống bệnh LMLM, DTLCP theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20/5/2019; Nghị quyết số 100/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội; Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 18/6/2019 của Chính phủ; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 20/02/2019 của Chính phủ; Công điện số 667/CD-TTg ngày 04/6/2019 và các theo quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống CGC theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Cúm gia cầm giai đoạn 2019-2025” và Công văn số 167/TTg-NN ngày 05/02/2020 về việc chủ động phòng, chống dịch cúm A(H5N1) trên gia cầm và ở người; của UBND tỉnh tại Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 về việc phê duyệt “Kế hoạch phòng, chống bệnh Cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2025”, Công văn số 872/UBND-NN ngày 07/02/2020 về việc chủ động phòng, chống dịch cúm A(H5N1) trên gia cầm và ở người, Công văn số 1041/UBND-NN ngày 14/02/2020 về việc tập trung triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp phòng, chống bệnh Cúm gia cầm;

- Tổ chức hướng dẫn người chăn nuôi chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng dịch là chính; áp dụng nghiêm các biện pháp kỹ thuật trong chăn nuôi an toàn sinh học, chủ động vệ sinh, sát trùng phòng dịch; rà soát, kịp thời tiêm vắc xin cho đàn vật nuôi phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như bệnh CGC, LMLM, Tai xanh, Đại... nhất là tại các khu vực có ổ dịch cũ, các địa bàn có nguy cơ cao;

- Tăng cường công tác chủ động giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm, nhất là tại các khu vực đã từng có dịch bệnh xuất hiện, khu vực có nguy cơ cao để phát hiện sớm, cảnh báo và xử lý dứt điểm khi dịch bệnh mới được phát hiện; xử lý nghiêm các trường hợp giầu, không báo cáo dẫn đến dịch bệnh lây lan rộng, gây thiệt hại kinh tế, bức xúc cho người dân và cộng đồng.

c) Khẩn trương thực hiện việc kiện toàn, củng cố và tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp theo quy định của Luật thú y, nhất là tại cơ sở, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20/5/2019; Nghị quyết số 100/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV; Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 18/6/2019 của Chính phủ; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 20/02/2019 và Công văn số 167/TTg-NN ngày 05/02/2020 để bảo đảm lực lượng tổ chức phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả.

d) Tổ chức thông tin, tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp với tình hình dịch, đảm bảo vệ sinh trong chăn nuôi, giết mổ gia cầm, không sử dụng gia cầm không rõ nguồn gốc, gia cầm, sản phẩm gia cầm chưa qua kiểm dịch; sử dụng thịt gia cầm phải nấu chín, không ăn tiết canh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

đ) Kịp thời bố trí kinh phí và các nguồn lực cần thiết cho công tác phòng, chống dịch bệnh; trong đó có kinh phí triển khai các chương trình, kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh phê duyệt và chỉ đạo thực hiện; lưu ý không hỗ trợ kinh phí tiêu hủy lợn đối với các trường hợp tái đàn mà chưa được cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn cho phép; vận động, xử lý, tiến tới chấm dứt việc chăn nuôi tại khu vực dân cư.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương:

a) Tổ chức theo dõi chặt chẽ, tổng hợp diễn biến tình hình bệnh và báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời.

b) Tập trung các nguồn lực để tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương trong việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh động vật, nhất là đối với bệnh CGC, LMLM, DTLCP; khẩn trương hướng dẫn, bảo đảm tổ chức nuôi tái đàn lợn thành công, thực hiện chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, không để dịch bệnh tái phát.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương xây dựng và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt: Kế hoạch phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm ở gia súc, gia cầm, thủy sản nuôi giai đoạn 2020-2025 (trong đó lồng ghép: Kế hoạch phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP giai đoạn 2020-2025 và Kế hoạch phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm khác ở gia súc,

gia cầm, thủy sản nuôi giai đoạn 2020-2025) và Kế hoạch tái đàn lợn sau bệnh DTLCP. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2016-2020”. Các kế hoạch bao gồm nội dung xây dựng các chuỗi, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật; đề án tăng cường năng lực ngành thú y các cấp giai đoạn 2020-2030 để bảo đảm nguồn lực triển khai có hiệu quả công tác thú y, phòng, chống dịch bệnh động vật; kế hoạch ứng phó với nguy cơ xuất hiện Covid-19 trên động vật, bao gồm tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm phát hiện nCoV trên động vật nuôi và động vật hoang dã.

d) Chỉ đạo bảo đảm các nguồn vắc xin phù hợp, hiệu quả để cung ứng đủ và kịp thời cho công tác tiêm phòng; tổ chức giám sát, đánh giá lưu hành các loại mầm bệnh.

3. Sở Công Thương:

Tăng cường quản lý thị trường, chủ động phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật không được kiểm dịch thú y, không rõ nguồn gốc trên thị trường, đặc biệt tại các chợ đầu mối, các điểm thu gom động vật, sản phẩm động vật.

4. Sở Y tế:

Chỉ đạo tăng cường giám sát phát hiện sớm những trường hợp nghi nhiễm cúm A/H5N1, A/H5N6 và các loại CGC khác; hướng dẫn các địa phương chủ động giám sát tại cộng đồng, phát hiện sớm trường hợp người mắc bệnh, cách ly, khoanh vùng xử lý triệt để, không để dịch lây lan diện rộng; khuyến cáo người dân về các biện pháp phòng, chống dịch CGC lây từ gia cầm sang người.

5. Công an tỉnh:

Thực hiện điều tra ngăn chặn, bắt giữ, xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật không được kiểm dịch thú y, không rõ nguồn gốc, động vật, sản phẩm động vật bán chạy, nghi bán chạy từ ổ dịch theo quy định của pháp luật.

6. Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh:

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện bắt giữ và xử lý nghiêm các vụ nhập khẩu trái phép gia cầm và sản phẩm gia cầm; tổ chức tuyên truyền cho nhân dân khu vực biên giới về sự nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm và tác hại khi buôn bán, vận chuyển gia cầm không được kiểm dịch, không rõ nguồn gốc.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chỉ đạo hệ thống thông tin báo chí trung ương và địa phương đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền sâu rộng về dịch, các yếu tố nguy cơ, các biện pháp phòng chống dịch cúm gia cầm để người dân không hoang mang, chủ động áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo hướng dẫn của ngành nông nghiệp và y tế.

8. Sở Tài chính:

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh động vật theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tham mưu bố trí kinh phí mua vắc xin phòng bệnh CGC, LMLM theo các chương trình, kế hoạch quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

9. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương hướng dẫn việc kiện toàn, củng cố và tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp theo quy định của Luật thú y, tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ để bảo đảm lực lượng phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả.

10. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp để triển khai thực hiện các biện pháp quyết liệt, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các địa phương chủ động, tham gia cùng chính quyền các cấp, các Bộ, ngành liên quan trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và Giám đốc các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo thực hiện nghiêm các nội dung nêu trên; thường xuyên thông báo về Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh./.

CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.